NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT
ĐƯỢC BAN HÀNH TỪ NGÀY 26/01/2026 ĐẾN NGÀY 22/02/2026

----------ଓ----------

STT	Tên văn bản	Thông tin văn bản	Nội dung chính
NGÀY 26/01/2026			
1	**Nghị định 46/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm**	**Số hiệu:** 46/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Thể thao - Y tế **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Lê Thành Long **Ngày ban hành:** 26/01/2026 **Ngày hiệu lực:**	**Trình tự kiểm tra an toàn thực phẩm với thực phẩm nhập khẩu từ 26/01/2026** Theo đó, trình tự kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu được quy định tại Điều 25 Nghị định 46/2026/NĐ-CP. Đơn cử, trình tự kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra giảm như sau: (i) Trước hoặc khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng hóa nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 46/2026/NĐ-CP đến cơ quan kiểm tra nhà nước bằng hình thức trực tuyến (qua Cổng dịch vụ công

		16/04/2026	quốc gia hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, tỉnh) hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp; (ii) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, cơ quan kiểm tra nhà nước có trách nhiệm trả hồ sơ và Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 46/2026/NĐ-CP . Trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ thì phải nêu rõ lý do. Cơ quan kiểm tra nhà nước chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần đối với hồ sơ nộp sửa đổi, bổ sung hồ sơ; (iii) Nội dung kiểm tra hồ sơ phải khẳng định được sự phù hợp của các thông tin liên quan đến mặt hàng nhập khẩu được thể hiện trong toàn bộ hồ sơ; (iv) Chủ hàng hóa có trách nhiệm nộp Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 46/2026/NĐ-CP cho cơ quan hải quan để làm cơ sở thông quan hàng hóa, trừ trường hợp Thông báo này được cấp qua Cổng thông tin một cửa quốc gia các hệ thống kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải

			quan tra cứu để làm cơ sở thông quan hàng hóa.
2	**Thông tư 06/2026/TT-BTC sửa đổi Thông tư 13/2015/TT-BTC quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi bởi Thông tư 13/2020/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành**	**Số hiệu:** 06/2026/TT-BTC **Lĩnh vực, ngành:** Thương mại, Xuất nhập khẩu, Sở hữu trí tuệ **Nơi ban hành:** Bộ Tài chính **Người ký:** Nguyễn Đức Chi **Ngày ban hành:** 26/01/2026 **Ngày hiệu lực:** 01/03/2026	**Hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu liên quan quyền sở hữu trí tuệ** Trong đó, sửa đổi quy định về nộp hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Cụ thể, hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ gồm: - Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo các chỉ tiêu thông tin hoặc 01 bản chính theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư 13/2015. - Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc tài liệu khác chứng minh quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ tại Việt Nam hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận quyền liên quan, Giấy chứng nhận quyền đối với giống cây trồng hoặc tài liệu khác chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với

			giống cây trồng, bao gồm cả giấy chứng nhận được cấp từ nước ngoài phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: 01 bản chụp; Trường hợp văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận nếu được cơ quan có thẩm quyền cấp dưới dạng điện tử trên trang thông tin điện tử theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền, người nộp Đơn đề nghị không phải nộp nhưng khai đầy đủ thông tin văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận trên Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát kèm trang thông tin điện tử để cơ quan hải quan kiểm tra, đối chiếu. - Ảnh chụp thực tế hàng hóa đề nghị bảo vệ về quyền sở hữu trí tuệ; ảnh chụp, mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (nếu có). - Danh sách tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa có yêu cầu kiểm tra, giám sát; danh sách tổ chức, cá nhân có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. - Văn bản ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền nộp đơn):

			01 bản chụp.
3	**Thông tư 04/2026/TT-BCT quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026 do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành**	**Số hiệu:** 04/2026/TT-BCT **Lĩnh vực, ngành:** Xuất nhập khẩu, Thuế - Phí - Lệ Phí **Nơi ban hành:** Bộ Công thương **Người ký:** Nguyễn Sinh Nhật Tân **Ngày ban hành:** 26/01/2026 **Ngày hiệu lực:** 15/03/2026	**Quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026** Theo Thông tư 04/2026/TT-BCT thì hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026 được quy định như sau: (i) Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026 Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu (mã HS 2401) năm 2026 là 79.199 tấn. (ii) Đối tượng phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026 Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026 được phân giao cho thương nhân có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá do cơ quan có thẩm quyền cấp và có nhu cầu sử dụng thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan để sản xuất hoặc chế biến nguyên liệu phục vụ

			sản xuất thuốc lá điếu tiêu thụ trong nước. (iii) Phương thức phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026 Đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư 04/2026/TT-BCT được Bộ Công Thương phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026 bằng phương thức cấp giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Thông tư 12/2018/TT-BCT quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Thông tư 04/2026/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc áp dụng, thực hiện được thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế tương ứng. (iv) Thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2026 Thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu

			thuốc lá nguyên liệu năm 2026 là kể từ khi Thông tư 04/2026/TT-BCT có hiệu lực thi hành.
NGÀY 27/01/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 28/01/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 29/01/2026			
4	**Nghị định 47/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 138/2021/NĐ-CP quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm**	**Số hiệu:** 47/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Vi phạm hành chính **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Nguyễn Hòa	**Bổ sung quy định niêm phong, mở niêm phong tang vật vi phạm hành chính bị tạm giữ** Theo Điều 1 Nghị định 47/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11 Nghị định 138/2021/NĐ-CP về niêm phong, mở niêm phong tang vật phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ được quy định như sau: - Người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm

	giữ theo thủ tục hành chính	Bình **Ngày ban hành:** 29/01/2026 **Ngày hiệu lực:** 15/03/2026	giữ tang vật, phương tiện căn cứ quy định tại khoản 5a Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính để quyết định trường hợp niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. - Tang vật, phương tiện bị tạm giữ được niêm phong bằng việc dán tem, giấy niêm phong đè lên những phần, bộ phận có thể mở để lấy, đổi tang vật, phương tiện hoặc dán đè lên những phần, bộ phận để bảo đảm tính nguyên trạng của tang vật, phương tiện. + Trường hợp tang vật, phương tiện có khối lượng, kích thước lớn hoặc không thể di chuyển được thì dán tem, giấy niêm phong đè lên những phần, bộ phận có xác định nguồn gốc, đặc điểm, bộ phận chính của tang vật, phương tiện và những vị trí cần thiết khác để bảo đảm tính nguyên trạng của tang vật, phương tiện. Đối với tang vật, phương tiện có thể sử dụng khóa, kẹp dây chì, dây thép và các hình thức khác để bao bọc thì sau khi bao bọc thực hiện việc dán tem, giấy niêm phong. + Đối với tang vật, phương tiện không thể niêm phong được tại hiện trường thì khi đưa về nơi tạm giữ tang vật,

			phương tiện phải tiến hành niêm phong theo quy định. - Tem, giấy niêm phong khi sử dụng để niêm phong không được rách, mờ, bảo đảm tính nguyên vẹn; tem niêm phong phải bảo đảm không bị làm giả; đối với giấy niêm phong phải có các thông tin cơ bản về tên cơ quan, tổ chức chủ trì, thời gian tổ chức niêm phong, họ tên, chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tham gia thực hiện niêm phong và đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện niêm phong hoặc dấu của chính quyền xã, phường, đặc khu nơi tổ chức thực hiện niêm phong vào giấy niêm phong. Trường hợp pháp luật có quy định riêng về tem, mẫu giấy niêm phong tang vật, phương tiện trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. - Trình tự, thủ tục niêm phong, mở niêm phong tang vật, phương tiện bị tạm giữ: + Người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện hoặc cơ quan của người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện tổ chức thực hiện niêm phong tang vật,

			phương tiện vi phạm trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình người vi phạm, đại diện tổ chức hoặc đại diện chính quyền xã, phường, đặc khu nơi tiến hành niêm phong hoặc ít nhất 01 người chứng kiến. Kết thúc niêm phong phải lập biên bản theo Mẫu biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; + Mở niêm phong tang vật, phương tiện do người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện hoặc cơ quan của người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện tổ chức thực hiện bằng cách bóc, gỡ tem, giấy niêm phong đã dán trước đó trước mặt người vi phạm, người được phân công quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ; nếu người vi phạm vắng mặt thì mời đại diện chính quyền xã, phường, đặc khu nơi tiến hành mở niêm phong chứng kiến hoặc ít nhất 01 người chứng kiến khi mở niêm phong. Kết thúc mở niêm phong phải lập biên bản theo Mẫu biên

			bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
5	**Nghị định 48/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP**	**Số hiệu:** 48/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Tài nguyên - Môi trường **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Trần Hồng Hà **Ngày ban hành:** 29/01/2026 **Ngày hiệu lực:** 29/01/2026	**Sửa quy định điều chỉnh giấy phép môi trường** Cụ thể, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường trong thời hạn còn lại của giấy phép khi thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Thay đổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 30 Nghị định 08/2022, trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh. Trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc điều chỉnh giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở. Trường hợp thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh, chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm báo cáo việc thay đổi trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ của dự án, cơ sở; (2) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

			tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng quy mô, công suất sản xuất, thay đổi công nghệ sản xuất như đối với trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định 08/2022 và dẫn đến thay đổi nội dung cấp phép, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định 08/2022; (3) Bổ sung phương án chuyển giao nước thải, tiếp nhận nước thải để xử lý quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định 08/2022; bổ sung phương án tái sử dụng nước thải quy định tại khoản 6 Điều 74 Nghị định 08/2022; (4) Thay đổi khác như đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định 08/2022, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định 08/2022. Việc điều chỉnh giấy phép môi trường được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được ủy quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định. Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng cấp điều chỉnh giấy phép môi trường gửi hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và

			chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp điều chỉnh giấy phép môi trường. Chủ dự án đầu tư, cơ sở được lựa chọn gửi hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.
NGÀY 30/01/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 31/01/2026			
6	**Nghị định 49/2026/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 quy định cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất**	**Số hiệu:** 49/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Bất động sản **Nơi ban hành:** Chính phủ	**Hướng dẫn trường hợp Chủ tịch UBND cấp xã được cấp sổ đỏ từ 31/01/2026** Theo đó, việc phân cấp, phân quyền cho UBND cấp xã trong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Chính phủ quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 49/2026/NĐ-CP như sau:

	đai	**Người ký:** Trần Hồng Hà **Ngày ban hành:** 31/01/2026 **Ngày hiệu lực:** 31/01/2026	*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền cấp xã quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, xác định lại diện tích đất ở;* ***Ngoài ra***, tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 49/2026/NĐ-CP thì Chính phủ còn quy định về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận đã cấp, đính chính, thu hồi, hủy giấy chứng nhận đã cấp đối với một số cơ quan khác như sau: - Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất,

			công nhận quyền sử dụng đất; - Văn phòng đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận đã cấp hoặc đăng ký đất đai lần đầu, đăng ký biến động đối với trường hợp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định 49/2026/NĐ-CP; - Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 14 Nghị định 49/2026/NĐ-CP có thẩm quyền đính chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót; thu hồi, hủy giấy chứng nhận đã cấp và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
7	**Nghị định 50/2026/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 quy định cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ**	**Số hiệu:** 50/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Bất động sản **Nơi ban hành:** Chính phủ	**Hướng dẫn tính tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích từ đất ao vườn sang đất ở từ 31/1/2026** Theo đó, Nghị định 50/2026/NĐ-CP quy định về tính tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao, đất nông nghiệp sang đất ở quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị

	chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	**Người ký:** Trần Hồng Hà **Ngày ban hành:** 31/01/2026 **Ngày hiệu lực:** 31/01/2026	quyết 254/2025/QH15 như sau: - Việc tính tiền sử dụng đất quy định tại Điều này được áp dụng một lần cho một hộ gia đình, cá nhân và được tính trên 01 thửa đất do hộ gia đình, cá nhân lựa chọn; lần chuyển mục đích sau trên thửa đất đó hoặc chuyển mục đích của thửa đất khác thì tính tiền sử dụng đất bằng 100% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở và tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhiều thửa đất (kể cả nhiều thửa đất trong phạm vi nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Nghị định 50/2026/NĐ-CP thì hộ gia đình, cá nhân đó được lựa chọn 01 (một) thửa đất để áp dụng tính tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định 50/2026/NĐ-CP . Hộ gia đình, cá nhân cam kết về nội dung này và chịu trách nhiệm về cam kết của mình, thể hiện tại đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện hộ gia đình, cá nhân đã được áp dụng việc tính tiền sử dụng

			đất theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị quyết 254/2025/QH15 nhưng vẫn đề nghị lựa chọn thửa đất để tiếp tục được hưởng chính sách này thì chuyển thông tin đến cơ quan thuế để cơ quan thuế tính lại tiền sử dụng đất bằng mức 100% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở và tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất; số tiền sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân đã nộp (nếu có) được trừ vào số tiền sử dụng đất tính lại; đồng thời, hộ gia đình, cá nhân phải nộp khoản tiền tương đương với mức chậm nộp tiền sử dụng đất được tính từ thời điểm có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất đến thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản chuyển vi phạm đến cơ quan thuế theo pháp luật về quản lý thuế. - Việc tính số lần chuyển mục đích sử dụng đất, xác định hạn mức giao đất ở, lựa chọn thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất để áp dụng theo quy định tại Điều này được tính từ ngày 01/8/2024. - Giá đất ở và giá đất nông nghiệp để tính tiền sử dụng đất ở, tiền sử dụng đất nông nghiệp là giá đất trên bảng giá đất theo quy định tại Điều 8 Nghị định của Chính phủ quy

			định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định của cơ quan nhà nước cho thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.
NGÀY 01/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 02/02/2026			
8	**Nghị định 52/2026/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam**	**Số hiệu:** 52/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Tài chính nhà nước **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Hồ Đức Phớc **Ngày ban hành:**	**Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam** Theo đó, nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam như sau: - Mọi tài sản được hình thành theo quy định tại Điều 3 Nghị định 52/2026/NĐ-CP đều được giao cho cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng quản lý, sử dụng.

		02/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 02/02/2026	- Việc hình thành tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản (nếu có), nguồn tài sản và nguồn kinh phí được phép sử dụng, tuân thủ phương thức, trình tự, thủ tục theo quy định. - Tài sản phải được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc các công cụ khác theo quy định của pháp luật. - Tài sản phải được sử dụng đúng công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, được khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. - Không được cho mượn tài sản, sử dụng tài sản vào mục đích cá nhân. Việc sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam làm quà tặng nhằm mục đích đối ngoại và trong trường hợp cần thiết khác được thực hiện theo ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về

			phòng, chống tham nhũng. - Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam phải bảo đảm công khai, minh bạch, có hiệu quả, tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng. - Đơn vị sự nghiệp của Đảng không được sử dụng tài sản để thế chấp hoặc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự khác trong các trường hợp sau đây: + Tài sản được cơ quan có thẩm quyền của Đảng giao quản lý, sử dụng. + Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ ngân sách đảng. + Quyền sử dụng đất, trừ trường hợp đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tiền thuê đất đã trả một lần cho cả thời gian thuê, tiền đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ ngân sách đảng sau khi được Chánh Văn phòng Trung ương Đảng cho phép đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia

			Hồ Chí Minh cho phép đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy cho phép đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương. - Không bố trí vốn đầu tư công, ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới tài sản chỉ sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. - Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam được giám sát, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định.
NGÀY 03/02/2026			
9	**Thông tư 08/2026/TT-BTC sửa đổi Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng**	**Số hiệu:** 08/2026/TT-BTC **Lĩnh vực, ngành:** Chứng khoán	**Quy định về sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký để giao dịch chứng khoán** Theo đó, Điều 15a bổ sung Điều 15 Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về sử dụng số hiệu tài khoản

	khoán được sửa đổi bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC và Thông tư 18/2025/TT- BTC, Thông tư 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC, Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	**Nơi ban hành:** Bộ Tài chính **Người ký:** Nguyễn Đức Chi **Ngày ban hành:** 03/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 03/02/2026	lưu ký để giao dịch chứng khoán như sau: - Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài để đặt lệnh giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài không cư trú tại công ty chứng khoán. - Công ty chứng khoán phải thực hiện nhận biết nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền. - Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở hợp đồng giữa tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện và công ty chứng khoán. - Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện có trách nhiệm cung cấp thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài khi công ty chứng khoán, cơ quan nhà nước có yêu cầu.

			- Hợp đồng giữa công ty chứng khoán và tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau: + Thỏa thuận về việc nhận lệnh, đặt lệnh giao dịch chứng khoán; + Thỏa thuận về giá dịch vụ giao dịch chứng khoán và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch; + Thỏa thuận về việc xác thực nhà đầu tư nước ngoài, xác thực tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện, xác nhận lệnh giao dịch trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch; + Việc cung cấp thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài khi công ty chứng khoán, cơ quan nhà nước có yêu cầu; + Việc xác nhận thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền của nhà đầu tư với công ty chứng khoán khi thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh; + Thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán giao dịch của nhà

			đầu tư nước ngoài là tổ chức trong trường hợp nhà đầu tư không có đủ tiền và các chi phí phát sinh khác (nếu có); + Thỏa thuận về nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng và các bên có liên quan (nếu có). - Khi nhận lệnh giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện, công ty chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện phải thực hiện theo nguyên tắc sau: + Công ty chứng khoán phải có biện pháp để xác định, đối chiếu đảm bảo lệnh được nhận từ tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện mà tổ chức này là một bên của hợp đồng theo quy định; đảm bảo ghi nhận đầy đủ thông tin tại thời điểm nhận lệnh, lưu giữ bằng chứng chứng minh về việc đặt lệnh, xác nhận lệnh do tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện đặt lệnh cho nhà đầu tư nước ngoài để tra cứu khi cần thiết; + Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện có biện pháp đảm bảo ghi nhận đầy đủ thông tin, bằng chứng về việc đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài để tra

			cứu khi cần thiết.
10	**Thông tư 09/2026/TT-BTC quy định về tạo lập sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành**	**Số hiệu:** 09/2026/TT-BTC **Lĩnh vực, ngành:** Bảo hiểm, Thể thao - Y tế **Nơi ban hành:** Bộ Tài chính **Người ký:** Lê Tấn Cận **Ngày ban hành:** 03/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 03/02/2026	**Thẻ bảo hiểm y tế trên VssID có giá trị pháp lý như bản giấy** Theo đó, thẻ bảo hiểm y tế của người tham gia đang thể hiện trên ứng dụng Bảo hiểm xã hội số (VssID) được cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trước ngày 03/02/2026 tiếp tục có giá trị pháp lý như bản giấy và được quản lý, sử dụng theo quy định tại Thông tư 09/2026/TT-BTC . Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử theo quy định tại Điều 10 Nghị định 188/2025/NĐ-CP do cơ quan bảo hiểm xã hội lập bằng phương tiện điện tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo mã số bảo hiểm xã hội duy nhất; được lưu trữ, cập nhật thường xuyên tại kho quản lý dữ liệu điện tử của người tham gia và được tích hợp với tài khoản bảo hiểm xã hội số (VssID), liên kết với tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2. Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử chứa đựng thông tin theo quy định tại Điều 10 Nghị định 188/2025/NĐ-CP . Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử do cơ quan bảo hiểm xã hội

			phát hành kèm theo mã số bảo hiểm y tế và các thông tin cơ bản sau đây: - Thông tin cá nhân của người tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh; - Thông tin về mức hưởng bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; - Thời điểm thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng; - Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu; - Thời điểm tham gia bảo hiểm y tế đủ 05 năm liên tục trở lên đối với đối tượng phải cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh. Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập bằng phương tiện điện tử, trong đó chứa đựng thông tin trên. Thông tin thẻ bảo hiểm y tế được tích hợp và đồng bộ theo mã số bảo hiểm y tế, số căn cước của người tham gia bảo hiểm y tế.

NGÀY 04/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 05/02/2026			
11	**Nghị định 53/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai**	**Số hiệu:** 53/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Tài nguyên - Môi trường **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Trần Hồng Hà **Ngày ban hành:** 05/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 05/02/2026	**Điểm mới về đối tượng đóng quỹ phòng chống thiên tai năm 2026** Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, ***Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*** được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh), ở xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng 1/2 của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng. (Trước đây quy định: Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà

			nước, ***tổ chức chính trị - xã hội và hội*** được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ***ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện)***, ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng 1/2 của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng). Mức lương cơ sở hiện đang áp dụng là 2,34 triệu đồng. (Các đối tượng còn lại (*công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động*) được giữ nguyên theo Nghị định 78/2021, với đóng góp hàng năm như sau: - Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất. - Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã nêu, đóng

			góp 10.000 đồng/người/năm).
NGÀY 06/02/2026			
12	**Thông tư 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành**	**Số hiệu:** 10/2026/TT-BNNMT **Lĩnh vực, ngành:** Tài nguyên - Môi trường **Nơi ban hành:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường **Người ký:** Nguyễn Hoàng Hiệp **Ngày ban hành:** 06/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 06/02/2026	**Công việc trong hoạt động lập quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê** Theo đó, một số công việc liên quan đến hoạt động lập quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê bao gồm: (i) Điều tra chuyên đề - Điều tra bãi sông: dân cư, các bối, cơ sở hạ tầng khu vực bối, bãi sông phục vụ cho việc quy hoạch quản lý bãi sông; - Điều tra hiện trạng công trình phòng, chống lũ: hồ chứa, công trình điều tiết lũ, công trình chỉnh trị sông, công trình bảo vệ bờ sông,… - Điều tra hệ thống đê điều: cao trình, mặt cắt đê, công trình trên tuyến đê; kè; phạm vi bảo vệ đê; tình hình vi phạm đê điều,…;

			Các điều tra chuyên đề cần được lập đề cương và dự toán riêng phục vụ lập quy hoạch. (ii) Khảo sát kỹ thuật - Khảo sát thủy văn. Yêu cầu về khảo sát thủy văn: + Khảo sát đo đạc mực nước dòng chảy lũ…; + Vị trí, khối lượng khảo sát: Theo đề cương được duyệt. Nội dung công việc, định mức áp dụng theo quy định hiện hành về công tác điều tra khảo sát khí tượng thủy văn. - Khảo sát địa hình Yêu cầu về khảo sát địa hình: + Khảo sát đo đạc địa hình phục vụ lập quy hoạch; + Khảo sát đo đạc địa hình phục vụ nghiên cứu bố trí tuyến đê, công trình trên đê; + Khảo sát đo đạc địa hình phục vụ nghiên cứu bố trí các công trình phòng, chống lũ khác;

			+ Đo các mặt cắt dọc, ngang sông phục vụ tính toán thủy lực, chỉnh trị sông,... theo đề cương được duyệt; + Vị trí, khối lượng khảo sát: Theo đề cương được duyệt. Nội dung công việc, định mức áp dụng theo quy định hiện hành về công tác khảo sát địa hình. - Khảo sát địa chất Yêu cầu về khảo sát địa chất: + Khảo sát địa chất địa điểm dự kiến bố trí tuyến đê, công trình trên đê; + Khảo sát địa chất địa điểm dự kiến bố trí các công trình phòng, chống lũ khác; + Vị trí, khối lượng khảo sát: Theo đề cương được duyệt. Nội dung công việc, định mức áp dụng theo quy định hiện hành về công tác khảo sát địa chất. (iii) Đánh giá môi trường chiến lược Nội dung Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) được xác định khối lượng thực hiện theo yêu cầu cụ thể từng

			quy hoạch và dự toán riêng theo các định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hiện hành về lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
NGÀY 07/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 08/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 09/02/2026			
13	**Nghị định 54/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản**	**Số hiệu:** 54/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Bất động sản, Xây dựng - Đô thị **Nơi ban hành:** Chính phủ	**Giá bán, cho thuê nhà ở phục vụ tái định cư do nhà nước đầu tư từ 09/02/2026** (1) Giá bán nhà ở phục vụ tái định cư do nhà nước đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được ủy quyền, phân cấp được xác định trong phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư và xác định theo nguyên tắc bảo đảm tính đúng, tính

		Người ký: Trần Hồng Hà **Ngày ban hành:** 09/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 09/02/2026	đủ chi phí theo quy định của pháp luật, trong đó chi phí cấu thành giá bán gồm: chi phí đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng; tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và thuế giá trị gia tăng. (2) Giá thuê mua nhà ở phục vụ tái định cư do nhà nước đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được ủy quyền, phân cấp theo nguyên tắc quy định tại (1) và xác định theo công thức quy định tại khoản 6 Điều 37a Nghị định 54/2026/NĐ-CP . (3) Giá thuê nhà ở phục vụ tái định cư do nhà nước đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được ủy quyền, phân cấp được xác định theo nguyên tắc bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí theo quy định của pháp luật, trong đó chi phí cấu thành giá thuê gồm: các chi phí quy định tại (1), chi phí bảo trì được phân bổ theo thời hạn thu hồi vốn. Thời hạn thu hồi vốn đối với nhà ở để cho thuê do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được ủy quyền, phân cấp và tối đa không vượt quá thời hạn sử dụng công trình theo quy định của pháp luật và xác định

			theo công thức quy định tại khoản 6 Điều 37a Nghị định 54/2026/NĐ-CP . (4) Trường hợp mua, thuê mua căn hộ chung cư thì việc đóng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở. (5) Chi phí quản lý vận hành nhà ở (nếu có) do người mua, thuê, thuê mua nhà ở chi trả trực tiếp cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở theo quy định.
14	**Nghị định 55/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 63/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước đã được sửa đổi bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP**	**Số hiệu:** 55/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Vi phạm hành chính, Tài chính nhà nước **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Hồ Đức Phớc **Ngày ban hành:** 09/02/2026	**Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp do vi phạm hành chính lĩnh vực quản lý tài sản công** Theo đó, bổ sung nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công, như sau: Việc xác định số lợi bất hợp pháp do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện và ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Số lợi bất hợp pháp được xác định như sau: Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì số lợi bất hợp pháp

		Ngày hiệu lực: 09/02/2026	được xác định từ khi tổ chức, cá nhân bắt đầu có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì số lợi bất hợp pháp được xác định từ khi tổ chức, cá nhân bắt đầu có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xác định số lợi bất hợp pháp có được theo từng hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo từng lần. Bên cạnh đó, còn bổ sung quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau: - Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi khai thác tài sản công khi chưa được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định khai thác tài sản công theo quy định.

			- Biện pháp khắc phục hậu quả: + Buộc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ còn thiếu theo quy định của pháp luật về tài sản công đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 13; + Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều 13. Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền do tổ chức vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 13 sau khi đã trừ các chi phí hợp lý, hợp lệ (chi phí xác định giá; chi phí tổ chức đấu giá; chi phí trong lựa chọn nhà thầu; chi phí quản lý, vận hành trong thời gian khai thác và các khoản nghĩa vụ tài chính đã nộp cho Nhà nước) do tổ chức vi phạm cung cấp kèm hóa đơn, chứng từ theo quy định. Người đứng đầu tổ chức vi phạm chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp lệ của các chi phí và hóa đơn, chứng từ do tổ chức mình cung cấp.
NGÀY 10/02/2026			
15	**Thông tư 12/2026/TT-BTC quy định trình tự,**	**Số hiệu:** 12/2026/TT-	**Trình tự giám định chi phí khám chữa bệnh BHYT**

	thủ tục giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, biểu mẫu tổng hợp thanh toán, quyết toán và biện pháp thi hành Nghị định 188/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BTC **Lĩnh vực, ngành:** Bảo hiểm, Tài chính nhà nước, Thể thao - Y tế **Nơi ban hành:** Bộ Tài chính **Người ký:** Lê Tấn Cận **Ngày ban hành:** 10/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 10/02/2026	**theo phương thức tự động** Giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo phương thức tự động do Hệ thống thông tin giảm định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam xử lý hồ sơ đề nghị thanh toán theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC , cảnh báo gia tăng chỉ khám bệnh, chữa bệnh binh quân quy định tại Điều 13 Thông tư 12/2026/TT-BTC . Các nội dung rà soát hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm: - Thông tin thẻ bảo hiểm y tế; - Mức hưởng và quyền lợi hưởng của người bệnh bảo hiểm y tế; - Phạm vi thanh toán đối với thuốc, thiết bị y tế, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo danh mục sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; - Mức thanh toán chi phí thuốc, máu và chế phẩm máu, thiết bị y tế, dịch vụ kỹ thuật, khám bệnh, ngày giường, vận chuyển người bệnh; - Chi phí thuốc, thiết bị y tế, dịch vụ khám bệnh, chữa

			bệnh có quy định tỷ lệ, điều kiện thanh toán; - Phạm vi hoạt động chuyên môn, thời gian khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; - Phạm vi hành nghề, thời gian làm việc của người hành nghề; - Thời gian giữa các lần khám bệnh, chữa bệnh của một người bệnh; - Cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hợp lý theo tiêu chuẩn, tiêu chí được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Bảo hiểm y tế; - Số liệu thống nhất trên Bảng kê chi tiết; - Số lượng thuốc, thiết bị y tế sử dụng theo số lượng được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc được điều chuyển theo quy định tại Điều 43 Nghị định 188/2025/NĐ-CP . Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị thanh toán, kết quả giám định bằng phương thức tự động được gửi cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

			trên Cổng tiếp nhận dữ liệu như sau: - Hồ sơ đề nghị thanh toán đúng quy định của pháp luật đối với các nội dung tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC; - Bảng kê chi tiết có chi phí từ chối thanh toán do không đúng quy định của pháp luật đối với nội dung tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC; - Bảng kê chi tiết có nội dung quy định tại điểm đ hoặc điểm i khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC nhưng không đủ thông tin để xác định chi phi khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thanh toán. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản hồi từ Cổng tiếp nhận dữ liệu, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm rà soát, cung cấp, bổ sung tài liệu, dữ liệu như sau: - Văn bản kèm theo tài liệu chứng minh đủ điều kiện thanh toán đối với nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC hoặc bản sao nội dung trong hồ sơ bệnh án khi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phát hiện Bảng kê chi tiết không khớp đúng hồ sơ bệnh

			án; - Bảng kê chi tiết điều chỉnh được lập theo Mẫu số 09/BH Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 12/2026/TT-BTC đối với nội dung quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC. Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế xử lý dữ liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC; từ chối thanh toán đối với trường hợp đã điều chỉnh nhưng không đúng quy định của pháp luật đối với nội dung tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC.
NGÀY 11/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 12/02/2026			
16	**Nghị định 57/2026/NĐ-CP cơ cấu lại vốn nhà**	**Số hiệu:** 57/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Doanh	**Điều kiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước** Theo đó, điều kiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

	nước tại doanh nghiệp	nghiệp, Tài chính nhà nước **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Hồ Đức Phớc **Ngày ban hành:** 12/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 13/02/2026	được quy định như sau: - Các doanh nghiệp quy định tại Điều 5 Nghị định 57/2026/NĐ-CP thực hiện cổ phần hóa khi đảm bảo các điều kiện sau: + Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ; + Sau khi đã xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương II Nghị định 57/2026/NĐ-CP mà giá trị thực tế doanh nghiệp bằng hoặc lớn hơn các khoản phải trả. - Các doanh nghiệp sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương II Nghị định 57/2026/NĐ-CP mà giá trị thực tế doanh nghiệp thấp hơn các khoản phải trả thì cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp tiếp tục phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ của doanh nghiệp xây dựng phương án mua bán, xử lý nợ tái cơ cầu doanh nghiệp đê doanh nghiệp đủ điều kiện cô phần hóa. Trường hợp phương ăn mua bán, xử lý nợ tái cơ cấu doanh

			nghiệp không khả thi thì chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật. **Hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước** - Giữ nguyện vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. - Bán một phần vôn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phân vồn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. - Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cô phiêu đê tăng vôn điều lệ. **Đồng tiền thanh toán và phương thức bán cổ phần lần đầu** - Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài mua cổ phần của doanh nghiệp bằng đồng Việt Nam. - Việc bán cổ phần lần đầu được thực hiện theo phương thức đấu giá công khai và thoa thuận trực tiếp. - Tùy theo đổi tượng và điều kiện mua cổ phần lần đầu,

			cơ quan đại diện chủ sở hữu xác định phương thức bán cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 57/2026/NĐ-CP cho phù hợp.
NGÀY 13/02/2026			
17	**Nghị định 58/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; hướng dẫn Luật cư trú, Luật Căn cước**	**Số hiệu:** 58/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Thương mại, Quyền dân sự **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Nguyễn Hòa Bình **Ngày ban hành:** 13/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 15/03/2026	**- Điều kiện kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ** Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ. Các dịch vụ này bao gồm việc sử dụng thuốc, chất, thiết bị để can thiệp vào cơ thể người nhằm thay đổi màu sắc da, hình dạng, cân nặng, khắc phục khiếm khuyết hoặc tạo hình theo ý muốn đối với các bộ phận trên cơ thể. Ngoài ra, các hoạt động xăm, phun, thêu trên da cũng được điều chỉnh trong quy định này. **- Quản lý và sử dụng con dấu** Nghị định cũng đề cập đến việc quản lý và sử dụng con dấu, đảm bảo rằng việc sử dụng con dấu phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trong các hoạt động kinh doanh và hành chính.

			- Quản lý, sử dụng pháo Quy định về quản lý và sử dụng pháo cũng được sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo an toàn, trật tự xã hội. Các quy định này nhằm kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh và sử dụng pháo, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến pháo. Nghị định 58/2026/NĐ-CP là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý, đảm bảo an ninh, trật tự cho các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi Luật Cư trú và Luật Căn cước.
18	**Nghị định 59/2026/NĐ-CP quy định hình thức xử phạt trục xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong**	**Số hiệu:** 59/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Vi phạm hành chính **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Nguyễn Hòa Bình	**Trình tự, hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất từ ngày 1/4/2026** Căn cứ Điều 8 Nghị định 59/2026/NĐ-CP quy định về trình tự, hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất từ ngày 1/4/2026 như sau: - Trình tự đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất: + Người thi hành công vụ phát hiện người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thuộc trường hợp áp

	thời gian làm thủ tục trục xuất	**Ngày ban hành:** 13/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 01/04/2026	dụng hình thức xử phạt trục xuất thì lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 190/2025/NĐ-CP và các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực; + Trong thời hạn quy định tại khoản 9 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 190/2025/NĐ-CP , người lập biên bản vi phạm hành chính phải gửi các tài liệu liên quan đến vụ vi phạm tới cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi xảy ra hành vi vi phạm để lập hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất. Đối với trường hợp vi phạm do cơ quan ở trung ương, đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an phát hiện thì các tài liệu liên quan đến vụ vi phạm được gửi đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an để lập hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các tài liệu liên quan đến vụ vi phạm, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm kiểm tra các tài

			liệu liên quan đến vụ vi phạm; nếu không đủ điều kiện áp dụng hình thức xử phạt trục xuất thì phải thông báo ngay cho cơ quan phát hiện vi phạm biết; nếu đủ điều kiện áp dụng hình thức xử phạt trục xuất thì hoàn thiện hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 59/2026/NĐ-CP. - Hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất gồm: + Tóm tắt lý lịch và hành vi vi phạm pháp luật của người bị đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất; + Biên bản vi phạm hành chính của người bị đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất; + Tài liệu, chứng cứ về hành vi vi phạm hành chính; + Tài liệu về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính đã bị áp dụng (đối với trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm); + Văn bản đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất, trong đó nêu rõ hình thức xử phạt trục xuất là hình thức xử phạt chính hay hình thức xử phạt bổ sung đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định

			59/2026/NĐ-CP.
19	**Nghị định 61/2026/NĐ-CP quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính**	**Số hiệu:** 61/2026/NĐ-CP **Lĩnh vực, ngành:** Vi phạm hành chính **Nơi ban hành:** Chính phủ **Người ký:** Nguyễn Hòa Bình **Ngày ban hành:** 13/02/2026 **Ngày hiệu lực:** 01/04/2026	**- Danh mục và tiêu chuẩn thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ** Nghị định ban hành kèm theo danh mục các thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các thiết bị này bao gồm máy móc có chức năng ghi âm, ghi hình, đo lường, phân tích, kiểm định, và lưu trữ dữ liệu. Tiêu chuẩn và định mức sử dụng các thiết bị này phải tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả. **- Quy trình thu thập và sử dụng dữ liệu** Dữ liệu thu được từ các thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được sử dụng đúng mục đích, không xâm phạm quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của cá nhân và tổ chức. Quy trình thu thập và sử dụng dữ liệu phải đảm bảo tính khách quan, chính xác, và trung thực về hành vi vi phạm, thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm. **- Nguồn kinh phí và quản lý thiết bị** Kinh phí cho việc đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa,

			kiểm định thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được đảm bảo từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc quản lý, sử dụng thiết bị phải tuân thủ các quy định về tài sản công, đảm bảo an toàn và hiệu quả. **- Các hành vi bị nghiêm cấm** Nghị định nghiêm cấm các hành vi lạm dụng thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để xâm phạm quyền lợi của cá nhân, tổ chức, sử dụng thiết bị không đúng mục đích, và làm giả, làm sai lệch dữ liệu thu được từ thiết bị. **- Phụ lục danh mục thiết bị** Nghị định kèm theo 11 phụ lục, mỗi phụ lục liệt kê danh mục thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng trong các lĩnh vực cụ thể như giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng hải, hàng không, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, phòng chống ma túy, tác hại của rượu bia, khai thác thủy sản, và tần số vô tuyến điện. Các thiết bị này bao gồm từ máy đo độ dài, cân kiểm tra tải trọng, thiết bị ghi âm ghi hình, đến các hệ thống giám sát và điều phối giao thông.

NGÀY 14/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 15/02/2026			
20	**Thông tư 08/2026/TT-BXD sửa đổi các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành**	**Số hiệu:** 08/2026/TT-BXD **Lĩnh vực, ngành:** Bất động sản, Xây dựng - Đô thị **Nơi ban hành:** Bộ Xây dựng **Người ký:** Nguyễn Văn Sinh **Ngày ban hành:** 15/02/2026 **Ngày hiệu lực:**	**- Sửa đổi và bổ sung quy định về đối tượng hưởng chính sách nhà ở** Thông tư sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm c2 vào sau điểm c1 khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 05/2024/TT-BXD. Cụ thể, các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở sẽ thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở, không có hợp đồng lao động và không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả, sẽ thực hiện theo Mẫu số 05. **- Thay thế các mẫu giấy tờ chứng minh** Thông tư thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02, và Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-

		15/02/2026	BXD bằng các mẫu tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Các mẫu này được sử dụng để chứng minh đối tượng và điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội. **- Bãi bỏ yêu cầu về bảng tiền công/tiền lương** Thông tư bãi bỏ cụm từ yêu cầu "photo Bảng tiền công/tiền lương trong 12 tháng liền kề" tại Mẫu số 01a và Mẫu số 04 của Thông tư số 05/2024/TT-BXD sửa đổi, nhằm đơn giản hóa thủ tục chứng minh thu nhập cho các đối tượng. **- Điều khoản chuyển tiếp** Các giấy tờ chứng minh đối tượng, điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội đã được xác nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn tiếp tục được sử dụng và có giá trị trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.
NGÀY 16/02/2026			

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG
NGÀY 17/02/2026
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG
NGÀY 18/02/2026
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG
NGÀY 19/02/2026
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG
NGÀY 20/02/2026
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG
NGÀY 21/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 22/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG